

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Ngân hàng Phát triển châu Á hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cho năm 2021 xuống mức 2%.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trong phiên chiều, tương đồng diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KBC, GDT

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường trái phiếu tháng 11 năm 2021

## [Cập nhật công ty]

BID, QTP

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu

14/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,476.02	-0.01
VN30	1,516.44	-0.29
HĐTL VN30F1M	1,518.50	-0.48
HNXIndex	454.68	-0.63
HNX30	765.16	-0.85
UPCoM	112.09	-0.19
USD/VND	22,978	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.60	+6
Dầu (WTI, \$)	71.61	+0.45
Vàng (LME, \$)	1,784.50	-0.12



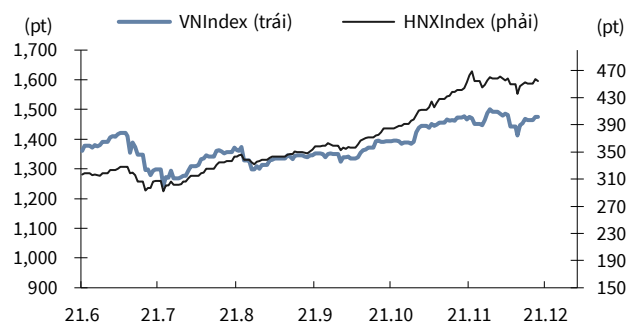
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,476.02 (-0.01%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>964.1 (+22.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,203.5 (+6.7%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>454.68 (-0.63%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>114.7 (+3.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>130.7 (+2.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>112.09 (-0.19%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>96.9 (+1.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>78.8 (+6.5%)</b>

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Ngân hàng Phát triển châu Á hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cho năm 2021 xuống mức 2%. Giá phân bón lập kỷ lục mới, Cobank dự báo giá phân bón sẽ tiếp tục tăng trong ít nhất 6 tháng tới, cổ phiếu phân đạm tăng ở DPM (+1%), DCM (+2%). Chính phủ đồng ý kế hoạch khôi phục các chuyến bay quốc tế thường lệ chở khách với địa bàn có hệ số an toàn cao, bắt đầu từ 1/1/2022, giá cổ phiếu ngành hàng không tăng ở HVN (+0.2%). Reuters cho biết giá dầu giảm do lực cầu từ Trung Quốc - quốc gia nhập khẩu dầu nhiều nhất đang chịu áp lực do biến chủng Omicron, giá cổ phiếu ngành dầu giảm ở PVD (-1%), PVS (-0.4%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-2.5%), VPB (-1.1%), GEX (+3.1%).

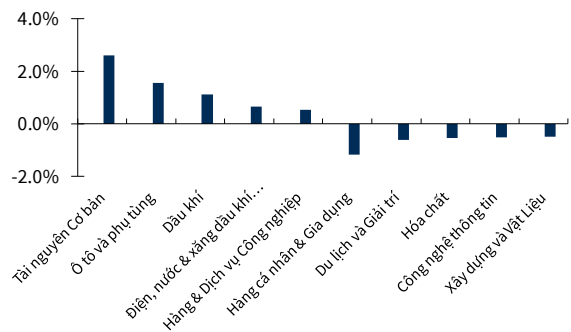
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -36.8**

## VNIndex & HNXIndex



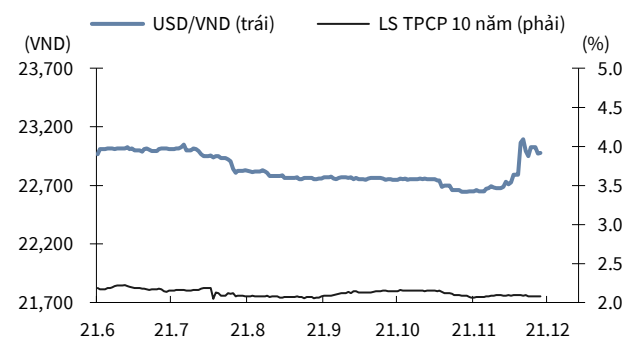
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



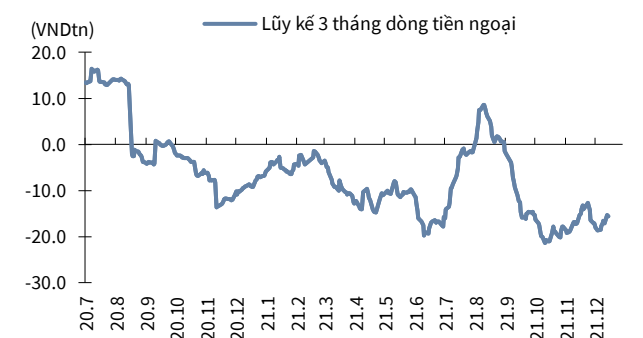
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

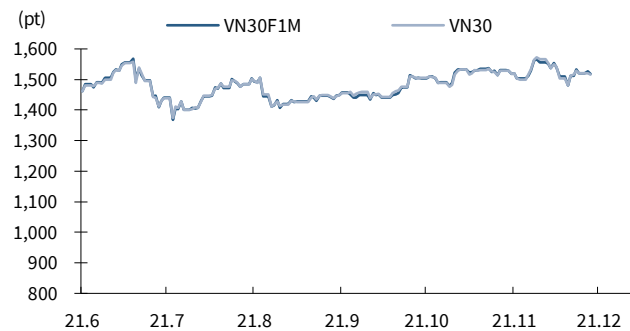
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,516.44 (-0.29%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,518.5 (-0.48%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,523.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,530.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,513.2</b>

Các HĐTL giảm điểm trong phiên chiều, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và chỉ số VN30 biến động với biên độ rộng trong phiên sáng lên mức cao nhất tại 8.27 điểm sau đó diễn biến giằng co trong phiên chiều trong khoảng -2.78 và 3.37 điểm, đóng cửa ở mức 2.06 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với thanh khoản thị trường tăng.

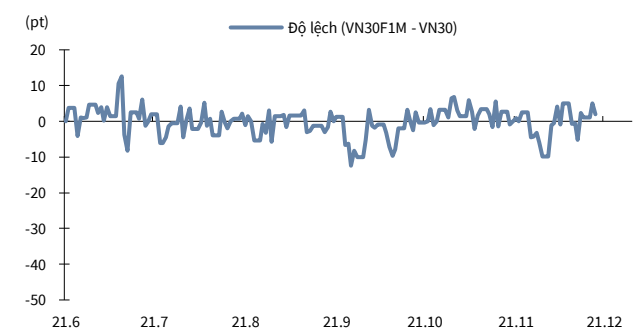
**KLGD (HĐ)**      **148,846 (+22.2%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



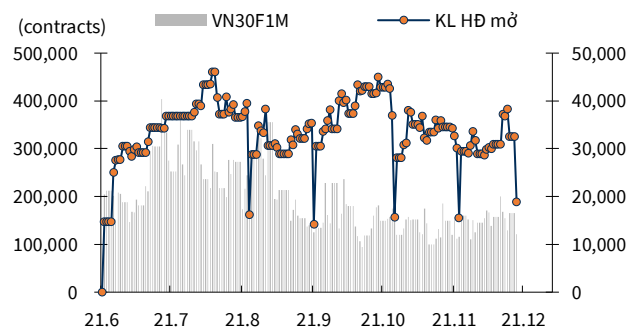
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



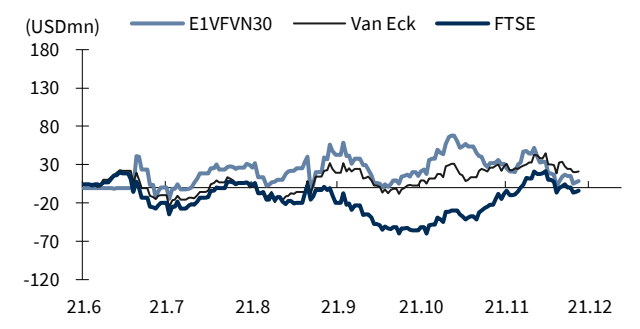
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

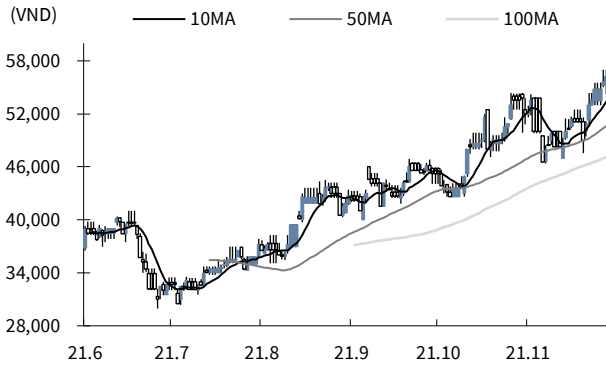
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)

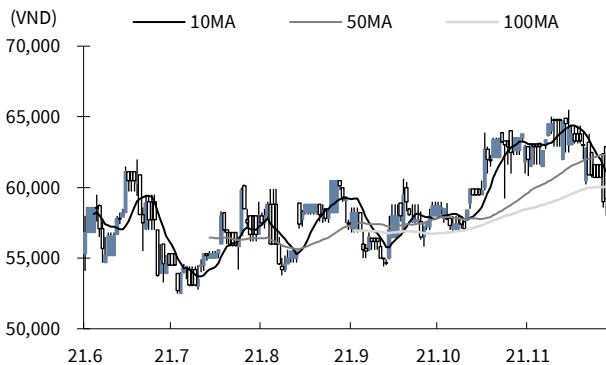


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 1.1% lên 56,200 VND/cp

- HĐQT Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc vừa thông qua việc hợp tác kinh doanh tại dự án khu công nghiệp (KCN) Trảng Duệ mở rộng với CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (SHP). Kinh Bắc dự kiến góp 1,000 tỷ đồng để đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cho thuê lại đất, chuyển nhượng tài sản trên đất, hợp tác kinh doanh và chuyển nhượng hạ tầng cho các nhà đầu tư thứ cấp.

## Gỗ Đức Thành (GDT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GDT tăng 0.3% lên 59,200 VND/cp

- Gỗ Đức Thành thông qua điều chỉnh kế hoạch kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Cụ thể, doanh nghiệp giảm chỉ tiêu tổng doanh thu từ 460 tỷ đồng về 327 tỷ đồng, giảm 29%; lợi nhuận sau thuế từ 86.4 tỷ đồng xuống 51.7 tỷ đồng, giảm 40%.

14/12/2021

 Chuyên viên phân tích – Nguyễn Ngọc Hiếu  
 hieunn@kbsec.com.vn

### Doanh thu, lợi nhuận 3Q2021 của QTP

Doanh thu và lợi nhuận của QTP trong 3Q2021 đạt lần lượt là 1,973 tỷ đồng (+13% YoY) và 86 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 60 tỷ đồng do công ty đã bám sát thị trường điện cạnh tranh và chào bán điện hiệu quả, bên cạnh đó dư nợ vay của công ty giảm dần dẫn đến chi phí lãi vay giảm, trong kỳ VND tăng giá so với USD nên doanh thu tài chính của công ty tăng.

### Kinh tế hồi phục kéo theo nhu cầu phụ tải tăng trưởng mạnh trong năm 2022

Căn cứ dự báo phát triển kinh tế xã hội năm 2022 theo Nghị quyết của Quốc hội, Tập đoàn EVN lập kế hoạch với nhu cầu phụ tải điện tăng trưởng cao từ 8-12% tương ứng sản lượng điện toàn quốc 275.5 – 286.1 tỷ kWh, do vậy các nhà máy điện hiện hữu sẽ được ưu tiên huy động ở mức cao với mục tiêu đảm bảo năng lượng phục vụ hồi phục kinh tế.

### Hoàn thành đại tu tổ máy số 4 trong năm 2021

Tổ máy số 4 thuộc nhà máy Quảng Ninh 2 đã hoàn thành sửa chữa lớn từ ngày 02/08 – 01/10/2021. Việc hoàn thành công tác sửa chữa lớn tổ máy theo kế hoạch góp phần nâng cao sản lượng điện cho QTP, đảm bảo cung ứng điện mùa khô năm 2022 và giữ vững an ninh năng lượng quốc gia.

### Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 20,200 VNĐ/CP

Kỳ vọng nhu cầu phụ tải tăng trở lại khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng, các tổ máy của QTP đi vào vận hành ổn định sau tu bổ. Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu QTP với giá mục tiêu 20,200 VNĐ/CP.

## MUA

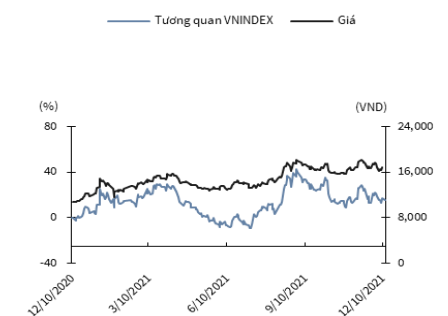
Giá mục tiêu	VNĐ 20,200
Tăng/giảm	18.1%
Giá hiện tại (Dec 14)	VNĐ 17,100
Giá mục tiêu đồng thuận	
Vốn hóa (nghìn tỷ VNĐ/triệu USD)	7.6/330

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	16.76%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	34.2/1.48
Sở hữu nhà nước (%)	64%

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-6	2	17	58
Tương đối	-7	-7	10	15

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	10,127	8,614	8,545	9,218
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VNĐ)	665	813	681	873
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	651	765	643	825
EPS (VNĐ)	1,447	1,700	1,429	1,834
Tăng trưởng EPS (%)	137%	18%	-16%	28%
P/E (x)	11.75	10	11.9	9.27
P/B (x)	1.56	1.38	1.42	1.38
ROE (%)	13.3%	13.8%	12%	14.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	2%	10%	20%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# BIDV (BID)

## Nâng vốn điều lệ tăng 25.8% thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

14/12/2021

3Q2021, LNTT đạt 2,674 tỷ VND, giảm 1.1% YoY

3Q2021, tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của BID có phần chững lại do ảnh hưởng của dịch bệnh. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 12,205 tỷ VND (-5.6% QoQ, +33.5% YoY) và LNTT 3Q2021 đạt 2,674 tỷ VND (-42.7% QoQ, -1.1% YoY).

NIM 3Q2021 đạt 3.05%, giảm 1bps QoQ

NIM 3Q2021 đi ngang so với quý trước, đạt 3.05% (-1 bps QoQ, +72 bps YoY) với chi phí đầu vào bình quân tiếp tục duy trì mức thấp, đạt 3.62% (+0 bps QoQ) và lãi suất bình quân đầu ra giảm nhẹ 2bps QoQ, đạt 6.45% đến từ các chính sách giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng Covid-19 của BID.

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2021 đạt 1.61%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 140.2%

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2021 đi ngang so với 2Q2021, đạt 1.61% (-2bps QoQ). Trong kì, BID tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng 7,502 tỷ VND (+30.3% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 140.2% (+792bps QoQ), cao thứ 5 trong hệ thống các ngân hàng theo dõi của KBSV.

BID phát hành 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức 2019-2020, nâng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND

Mới đây, BIDV trình cổ đông phương án phát hành gần 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và 2020 qua đó tăng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND. Lượng cổ phiếu được phát hành theo phương án này tương đương 25.77% lượng cổ phiếu hiện hành, cao hơn kế hoạch đề ra đầu năm là 12.2%.

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu **51,600 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 51,600 VND/cp, cao hơn 13.4% so với giá tại ngày 13/12/2021.

## Năm giữ

**Giá mục tiêu VND 51,600**

Tăng/Giảm	14.9%
Giá hiện tại (13/12/2021)	VND 45,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 45,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	183,002

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	83.2/3.7
Sở hữu nước ngoài (%)	17.15%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.98%)

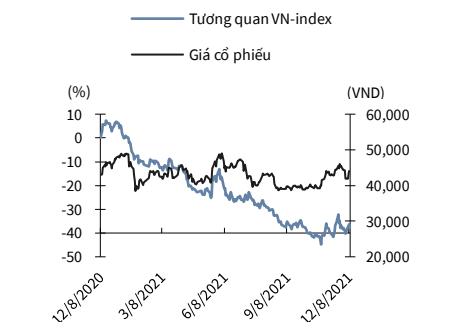
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	11	-2	5
Tương đối	2	1	-9	-38

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,978	35,797	46,551	48,683
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	30,864	32,344	42,247	44,771
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,368	6,997	10,711	14,143
EPS (VND)	2,081	1,740	2,375	2,915
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	37%	23%
PER (x)	20.8	24.9	18.2	14.9
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	19,235	20,701
PBR (x)	2.24	2.19	2.25	2.09
ROE (%)	12.9%	9.2%	12.9%	15.2%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Thị trường trái phiếu tháng 11 năm 2021

## Thanh khoản dồi dào

### Trạng thái thanh khoản tiền Đồng dồi dào

- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm và không phát sinh giao dịch trên thị trường mở
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp *tăng so với tháng 10 do nhu cầu mua TPCP từ các NHTM tăng trở lại*. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm với đường cong lợi suất có xu hướng dịch chuyển nhẹ xuống phía dưới

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức thấp cho tới cuối năm nhờ thanh khoản hệ thống tương đối ổn định và lợi suất TPCP có thể đi ngang trong tháng 12 nhờ cân bằng cung - cầu

### Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp kém sôi động so với tháng trước, nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020

- Nhóm bất động sản và nhóm ngân hàng là những tổ chức phát hành lớn nhất thị trường
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp được dự báo sẽ hạ nhiệt trong các tháng tới khi mới đây Bộ Tài Chính đã có văn bản yêu cầu đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc phát hành TPDN

### Tỷ giá liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức thấp, trái lại tỷ giá chợ đen có xu hướng tăng mạnh

- Tỷ giá liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức thấp trong tháng 11
- Tỷ giá chợ đen tăng mạnh do nhu cầu nhập lậu vàng tăng

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

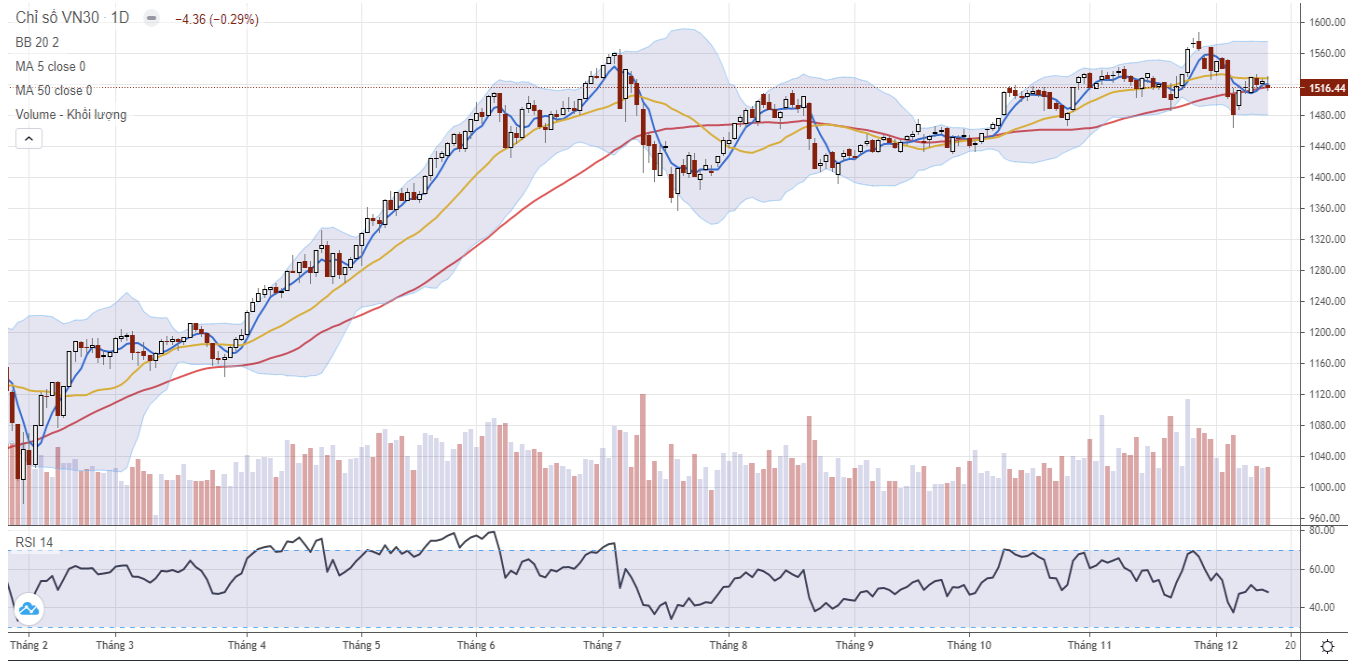


Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

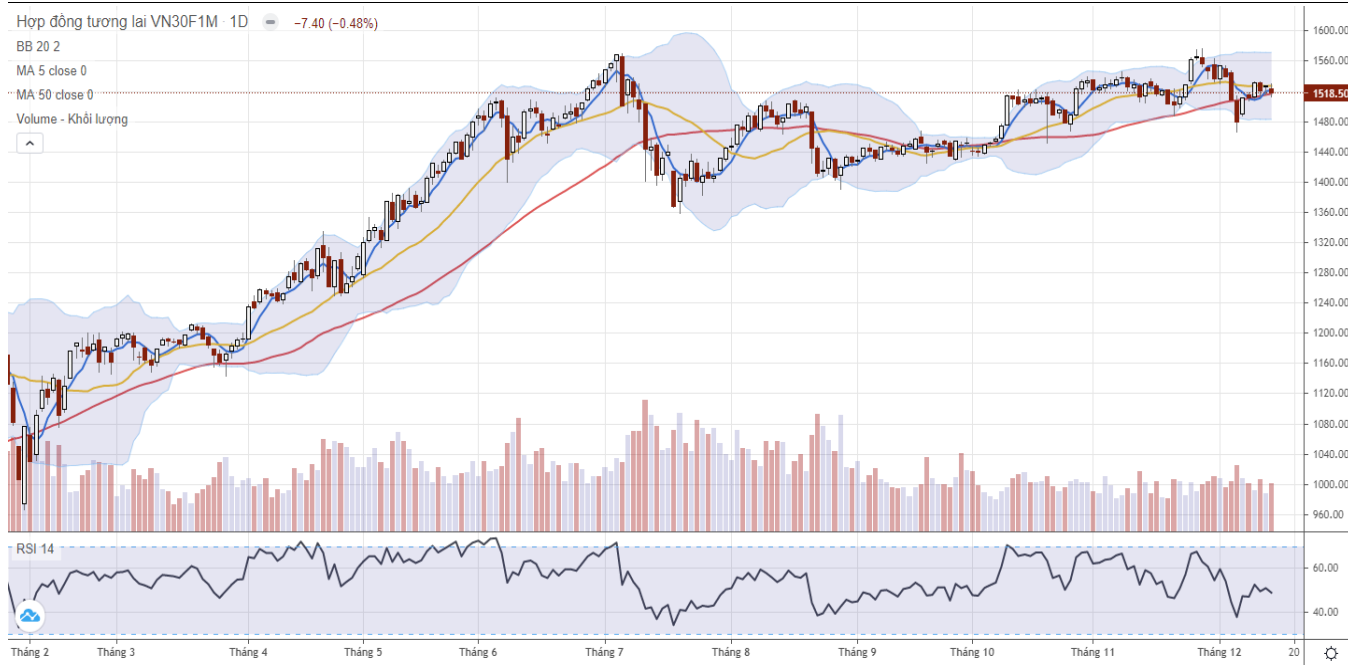
- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều điều chỉnh giảm co về cuối phiên.
- Thanh khoản gia tăng cùng sự hình thành của mẫu nến "doji" cho thấy tương quan cung cầu đang khá cân bằng. Vùng kháng cự quanh 1480 vẫn đang gây ra lực cản cho đà đi lên của chỉ số và chừng nào chưa vượt qua được chốt chặn này rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1450.
- NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1536 - 1540

Kháng cự gần: 1523 - 1526

Hỗ trợ gần: 1509 - 1512

Hỗ trợ xa: 1501 - 1505

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, F1 dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên.
- Vùng kháng cự then chốt quanh 1540 sẽ tiếp tục gây cản trở cho đà hồi phục của chỉ số và rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang hiện hữu. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần đáng lưu ý nằm tại 150x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

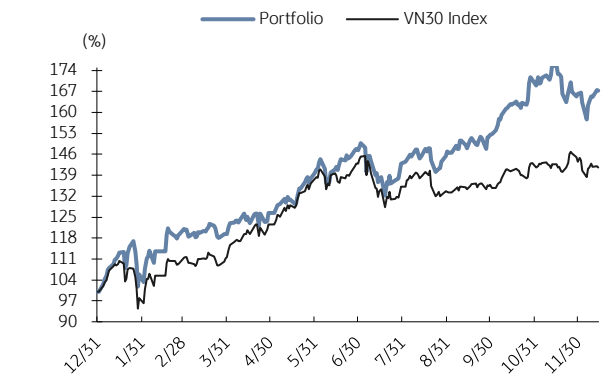
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.29%	-0.13%
Tăng lũy kế (YTD)	41.62%	67.27%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,400	0.4%	75.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	60,100	0.5%	171.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,200	-2.3%	25.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	192,000	1.1%	0.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	68,700	-1.0%	102.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,700	-0.3%	228.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,400	-3.3%	71.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	98,200	0.2%	33.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	47,700	2.5%	229.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	56,200	1.1%	310.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.7%	13.5%	52.1
VRE	-0.8%	29.7%	32.3
DGC	-2.2%	7.2%	27.3
ITA	6.8%	1.0%	26.5
KDH	-2.2%	31.7%	26.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	2.5%	24.2%	-532.9
VPB	-1.1%	15.3%	-145.7
GEX	3.1%	8.2%	-91.4
SSI	-1.3%	38.8%	-44.0
HSG	7.0%	8.6%	-35.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-3.0%	0.1%	22.5
SHS	-1.2%	8.3%	4.6
APS	-9.9%	0.9%	0.5
SCI	-1.5%	1.3%	0.3
PVG	-0.7%	1.4%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVI	7.5%	56.8%	-1.6
HLD	-1.0%	6.4%	-0.7
CTC	0.0%	0.7%	-0.6
NDN	1.0%	2.0%	-0.2
PVS	-1.5%	7.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	9.2%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	6.5%	VGC, CII
Du lịch và Giải trí	5.3%	HVN, VJC
Hóa chất	4.7%	GVR, DGC
Y tế	3.6%	DHG, DCL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%	MSH, STK
Công nghệ thông tin	0.7%	FPT, CMG
Tài nguyên Cơ bản	1.0%	DHC, TNI
Bảo hiểm	1.2%	BIC, PGI
Ngân hàng	1.4%	VPB, HDB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	7.6%	SVC, TCH
Dịch vụ tài chính	7.1%	SSI, VND
Bất động sản	5.9%	VIC, NVL
Xây dựng và Vật Liệu	5.0%	VGC, ROS
Truyền thông	5.0%	ADG, YEG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-9.2%	BVH, MIG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.2%	GAS, TDM
Tài nguyên Cơ bản	-7.9%	HPG, HSG
Dầu khí	-7.8%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	-6.3%	MSH, STK

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	372,904 (16.4)	22.5	128.8	145.6	14.7	3.4	3.0	4.1	4.1	-0.7	-3.9	8.5	6.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	518,826 (22.8)	26.6	9.9	8.7	35.9	31.5	27.5	2.9	2.3	0.0	0.6	0.1	19.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	260,183 (11.4)	17.8	37.2	24.0	-7.6	6.1	9.0	2.2	2.1	-0.8	0.8	0.3	-3.8
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	407,793 (17.9)	31.3	40.4	29.4	6.7	13.8	13.3	5.4	4.8	0.9	0.4	6.7	135.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	84,595 (3.7)	11.6	28.1	19.8	18.0	14.1	16.6	-	2.7	-2.2	7.1	-2.0	82.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	397,471 (17.5)	13.9	15.5	12.4	-	16.5	16.4	2.2	1.9	-2.3	6.7	23.3	140.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	93,254 (4.1)	6.3	17.7	14.6	11.7	20.3	20.6	3.2	2.6	-0.3	1.1	1.1	1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	110,352 (4.8)	12.7	19.8	15.0	-5.3	13.2	15.5	2.2	2.0	-0.4	3.9	4.9	-5.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	859,150 (37.8)	0.0	10.3	8.7	14.3	20.8	19.8	1.9	1.6	0.2	0.2	-4.6	59.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	388,946 (17.1)	1.4	11.9	8.6	61.1	16.3	19.6	1.6	1.4	-0.9	-0.9	-0.9	21.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	685,151 (30.1)	0.0	12.4	10.5	18.8	17.8	15.9	1.8	1.6	-1.1	-1.8	-4.8	93.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	399,162 (17.6)	0.0	8.9	7.5	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	-0.5	0.4	-1.1	67.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	246,431 (10.8)	4.2	10.3	9.2	23.3	20.9	19.9	2.0	1.7	-1.5	-1.3	5.7	55.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	635,428 (27.9)	14.0	17.1	12.8	26.5	10.0	11.4	1.5	1.4	-1.9	0.2	0.0	66.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	222,651 (9.8)	0.0	12.5	10.2	37.5	21.2	20.2	2.3	1.9	0.0	5.6	16.1	88.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	20,840 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.3	4.7	-5.0	39.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	75,087 (3.3)	21.0	23.5	19.8	15.8	9.1	10.1	2.0	1.9	-1.2	0.2	-6.8	-11.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	34,477 (1.5)	14.2	22.2	19.1	9.1	10.9	12.6	2.1	1.9	2.2	7.6	-0.8	73.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,258,246 (55.3)	55.4	22.0	25.2	-3.2	16.9	13.7	-	-	-1.3	1.0	18.2	141.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	334,380 (14.7)	71.9	-	-	-4.0	23.2	25.8	-	-	-1.0	5.1	6.3	162.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	278,685 (12.3)	52.4	-	-	-19.0	23.8	21.4	-	-	0.9	2.6	1.9	88.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	564,964 (24.8)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	0.2	8.0	15.5	329.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	219,462 (9.6)	42.1	18.5	17.3	4.0	32.9	33.2	5.4	5.2	-0.1	-0.2	-3.4	-20.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	20,865 (0.9)	36.9	28.1	22.6	7.3	17.6	19.4	4.4	3.8	0.3	-0.1	11.2	-21.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	174,207 (7.7)	16.5	40.3	28.8	-51.9	31.6	23.1	8.5	6.5	0.6	3.4	4.9	76.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	119,870 (5.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.8	27.7	22.0	-23.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	108,794 (4.8)	11.0	-	34.8	-88.5	0.4	16.2	-	-	-1.4	0.8	-3.6	-0.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	135,458 (6.0)	10.8	30.5	20.7	-57.0	8.6	12.2	2.4	2.4	-0.4	1.5	-7.6	49.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	223,261 (9.8)	38.4	135.1	19.1	65.7	1.3	8.3	-	-	6.9	22.9	7.9	49.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	227,399 (10.0)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	5.6	10.7	40.7	271.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	727,836 (32.0)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	3.1	8.3	11.8	152.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	79,255 (3.5)	3.6	48.3	20.5	-52.4	1.7	3.8	0.8	0.7	-2.4	14.7	19.8	13.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	41,443 (1.8)	0.0	12.5	9.9	-4.5	13.6	14.4	1.5	1.3	-1.0	1.8	-5.9	40.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	120,774 (5.3)	46.1	20.0	15.7	-17.5	19.7	22.3	3.8	3.4	0.2	1.8	-	16.9	13.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,447 (1.3)	31.4	14.3	10.0	-10.5	12.1	15.8	1.7	2.3	5.9	15.4	7.7	5.1	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,742 (0.3)	34.1	17.0	13.0	-5.1	8.9	11.6	1.5	1.5	1.7	3.3	0.9	-3.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,257,106 (55.2)	18.0	5.6	6.5	21.9	47.0	29.9	2.1	1.6	2.5	0.2	-	12.6	55.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	269,132 (11.8)	36.5	8.6	12.7	-0.5	26.8	16.2	2.0	1.9	1.0	6.8	-4.0	168.6	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	267,170 (11.7)	46.5	20.3	16.8	-4.5	18.2	18.3	2.9	2.7	2.0	5.2	0.0	172.1	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	299,601 (13.2)	38.9	6.1	6.8	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	7.0	4.2	-	15.9	86.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	114,635 (5.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.0	10.9	0.3	40.2	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	130,227 (5.7)	4.6	21.6	17.3	-51.0	14.7	16.3	3.0	3.0	1.5	1.9	-9.2	-0.2	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	205,865 (9.0)	39.9	187.4	26.6	-11.9	0.5	4.0	0.9	0.8	-1.0	1.4	-6.5	77.2	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	78,850 (3.5)	35.9	11.6	9.3	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	1.3	5.2	-5.5	72.9	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	172,459 (7.6)	0.0	21.0	15.2	13.7	26.6	28.3	4.8	3.9	0.4	1.4	-0.4	70.8	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	61,865 (2.7)	0.0	23.5	16.1	2.4	18.4	22.9	3.9	3.3	-2.3	2.6	-	12.5	18.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,120 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	6.3	-1.9	-61.3	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	87,744 (3.8)	30.3	36.2	35.8	-75.2	13.4	12.6	4.7	4.2	1.1	23.2	31.2	139.1	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	65,119 (2.9)	34.6	26.2	10.6	41.2	13.4	30.4	3.0	2.6	-0.8	9.7	4.5	15.1	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,672 (0.3)	45.4	23.1	21.9	10.7	21.2	20.6	4.5	4.1	0.8	10.0	32.1	29.0	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	230 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	1.4	4.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	184,773 (8.1)	0.0	20.4	17.0	15.5	23.9	25.3	4.4	4.0	-0.3	-0.3	-2.3	86.2	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.